

Số: 39 /2015/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 10 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành quy định về phân cấp quản lý, vận hành,
khai thác, sử dụng các công trình cấp nước sạch
nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức HĐND & UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Quyết định số 104/2000/QĐ-TTg ngày 25/8/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Quốc gia về nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2020; Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 37/2014/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 31/10/2014 về việc Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn; Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài Chính về việc quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 167/TTr-SNNNT ngày 29/9/2015; Báo cáo số 257/BC-SNNNT ngày 21/10/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về phân cấp quản lý vận hành khai thác các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ Quyết định này, có trách nhiệm theo dõi công tác phân cấp quản lý vận hành khai thác các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh vào tháng 12 hàng năm.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài Nguyên và Môi Trường, Y tế; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc Trung tâm Nước sinh hoạt và Môi trường nông thôn tỉnh Đắk Lắk, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 10/11/2015.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh; (để giám sát)
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Vụ Pháp chế - Bộ NN & PTNT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp (kiểm tra);
- Các Sở: NN&PTNT, Tư Pháp;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Đắk Lắk, Công báo tỉnh, Website tỉnh; (để đưa tin);
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các phòng: TH, TC-TM, VH-XH
- Lưu: VT, NNMT (Th 50b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Y Dễm Ênuôl

QUY ĐỊNH

Về phân cấp quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

(Ban hành kèm theo Quyết định số 39 /2015/QĐ-UBND ngày 30 /10/2015 của UBND tỉnh).

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này được áp dụng để quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung được đầu tư từ ngân sách Nhà nước, có nguồn gốc ngân sách Nhà nước, được xác lập sở hữu Nhà nước và các công trình đồng thời cung cấp nước sạch cho dân cư đô thị và dân cư nông thôn được đầu tư từ các nguồn vốn Chương trình Mục tiêu quốc gia về Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn; Chương trình Hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn (Chương trình 134); Chương trình Phát triển kinh tế xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi (Chương trình 135); Chương trình Mục tiêu quốc gia về nông thôn mới; Chiến lược quốc gia về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng: Là đơn vị dịch vụ cấp nước; Đơn vị sự nghiệp công lập; Doanh nghiệp; Tổ chức; Cá nhân thực hiện quản lý, vận hành, khai thác nước sạch từ công trình cấp nước tập trung nông thôn trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Nước sạch là nước có chất lượng đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật về nước sạch Việt Nam.

2. Đơn vị quản lý, vận hành công trình là cơ quan, tổ chức, đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây viết tắt là UBND tỉnh) quyết định giao công trình để trực tiếp quản lý đầu tư, quản lý vận hành khai thác các công trình cấp nước sạch tập trung ở khu vực nông thôn (viết tắt là đơn vị QLVH công trình), đảm bảo thực hiện mục tiêu cấp nước sạch cho dân cư nông thôn gồm:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập: Trung tâm Nước sinh hoạt và Môi trường nông thôn, Ban quản lý nước sạch, Đơn vị sự nghiệp công lập khác.

b) Doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh, Doanh nghiệp tư nhân, Hợp tác xã.

c) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (viết tắt là UBND cấp xã/phường/thị trấn).

3. Công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung (viết tắt là công trình cấp nước nông thôn): là một hệ thống bao gồm các công trình đầu mối thu nước, khu xử lý nước, mạng lưới đường ống cung cấp nước sạch đến nhiều hộ gia đình hoặc cụm dân cư sử dụng nước ở nông thôn và các công trình phụ trợ có liên quan; bao gồm các loại hình: cấp nước tự chảy, cấp nước bằng bơm dẫn động lực, cấp nước bằng công nghệ hồ treo.

4. Người sử dụng nước: Là tổ chức, cá nhân và hộ gia đình mua nước sạch của đơn vị cấp nước.

5. Mạng lưới cấp nước: Là hệ thống đường ống truyền dẫn nước sạch từ nơi sản xuất đến nơi tiêu thụ.

6. Sửa chữa nhỏ: Là loại sửa chữa mang tính chất thường xuyên trong năm nhằm duy trì sự hoạt động bình thường cho công trình.

7. Sửa chữa lớn: Là loại sửa chữa mang tính chất định kỳ nhằm bảo đảm công trình hoạt động như công suất thiết kế.

8. Giá thành nước sạch là giá thành toàn bộ cho $1m^3$ nước sạch, trên cơ sở tính đúng, tính đủ chi phí sản xuất hợp lý trong quá trình sản xuất, phân phối, tiêu thụ (bao gồm cả chi phí duy trì đầu nổi) để tổ chức, cá nhân được giao quản lý khai thác công trình cấp nước nông thôn duy trì và phát triển trên cơ sở các Quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công bố hoặc ban hành và lợi nhuận định mức hợp lý của khối lượng nước thương phẩm được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp nhận.

9. Giá tiêu thụ nước sạch là giá nước sạch người sử dụng nước phải trả cho đơn vị quản lý công trình cấp nước, do UBND tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật về nguyên tắc, phương pháp xác định giá tiêu thụ nước sạch tại khu vực nông thôn.

10. Thu không đủ chi là những công trình có tổng số tiền thu không đủ để chi phí toàn bộ trong quá trình sản xuất hợp lý của đơn vị quản lý công trình cấp nước.

11. Bảo trì công trình cấp nước nông thôn là tập hợp các hoạt động gồm: bảo dưỡng thường xuyên, sửa chữa định kỳ và sửa chữa đột xuất nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật và hoạt động của công trình được bình thường.

Điều 3. Quy định chung

1. Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện cho mọi tổ chức, đơn vị, cá nhân tham gia quản lý, vận hành và khai thác công trình theo quy định của pháp luật.

2. Nhà nước đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khi tham gia quản lý, sử dụng và khai thác công trình.

3. Mọi công trình cấp nước sạch nông thôn đều phải có tổ chức, cá nhân thực hiện quản lý, vận hành, khai thác và bảo vệ.

4. Đơn vị QL VH công trình cung cấp nước sạch, thực hiện theo quy định đối với đơn vị tự trang trải về tài chính từ nguồn thu dịch vụ cấp nước để thực hiện việc duy trì hoạt động và chống xuống cấp công trình. Trường hợp do thiên tai lũ lụt, hoặc sự cố khác gây ra thiếu nước, hết nước, sau khi đã huy động tối đa nội lực

cũng như mức đóng góp của người hưởng lợi mà vẫn không đủ kinh phí để sửa chữa công trình, các đơn vị QLVH công trình lập báo cáo chi tiết, đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

- Hoạt động của công trình phải bảo đảm duy trì áp lực cấp nước, cung cấp ổn định, bảo đảm lượng nước và chất lượng nước cấp theo Quy chuẩn kỹ thuật của nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

- Có các giải pháp ứng phó với các sự cố bất thường, các nguy cơ, rủi ro có thể xảy ra trong toàn bộ quá trình sản xuất, cung cấp nước sạch từ nguồn đến đồng hồ đo nước của khách hàng sử dụng nước.

- Góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng, giảm thiểu các bệnh tật liên quan đến nước, phòng ngừa dịch bệnh và phát triển kinh tế xã hội. Giảm tỷ lệ thất thoát, tiết kiệm tài nguyên nước và bảo vệ môi trường.

- Có các đề xuất hỗ trợ cấp nước cho các gia đình chính sách, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ và các vùng đặc biệt khó khăn.

5. Phát triển hoạt động cấp nước sạch trên cơ sở sử dụng tối ưu các nguồn lực để đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của nhân dân, đảm bảo số lượng theo yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và chất lượng theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch do Bộ Y tế ban hành.

6. Chính quyền địa phương các cấp, ưu tiên bố trí, quản lý và bảo vệ quỹ đất cho việc xây dựng các công trình cấp nước dựa trên nhu cầu thực tế và yêu cầu phát triển từng giai đoạn của quy hoạch cấp nước đã được phê duyệt.

7. Ưu tiên khai thác nguồn nước để cung cấp cho mục đích sinh hoạt của con người. Sử dụng nước hợp lý, tiết kiệm, khuyến khích áp dụng công nghệ xử lý tái sử dụng cho mục đích khác sau khi con người đã sử dụng.

8. Đơn vị QLVH công trình thực hiện báo cáo, hạch toán đầy đủ về hiện vật và giá trị theo quy định của pháp luật có liên quan.

9. Mọi hành vi vi phạm chế độ quản lý, sử dụng và khai thác công trình phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

10. Đối với các công trình cấp nước sạch nông thôn được đầu tư xây dựng từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước (được quy định tại Khoản 1, Điều 1 Quy định này), sau khi xây dựng hoàn thành, chủ đầu tư phải bàn giao công trình và một bộ hồ sơ hoàn công cho đơn vị QLVH công trình theo quy định.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 4. Phân cấp quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng các công trình cấp nước sạch nông thôn.

1. Đối với những công trình cấp nước nông thôn đã được đầu tư xây dựng:

- Công trình có quy mô cấp nước cho trên 100 hộ: bao gồm các công trình đang hoạt động hoặc các công trình đã ngừng hoạt động: Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan, UBND cấp huyện,

căn cứ vào các quy định hiện hành tham mưu UBND tỉnh quyết định đơn vị QLVH khai thác; hoặc cải tạo, nâng cấp và trực tiếp quản lý, vận hành, đảm bảo công trình hoạt động bền vững và phát huy hiệu quả lâu dài.

- Công trình quy mô nhỏ cấp nước cho cụm dân cư từ 100 hộ trở xuống và có công nghệ đơn giản, quy trình vận hành không phức tạp: Giao cho UBND xã tổ chức họp lấy ý kiến nhân dân, thành lập tổ quản lý vận hành, trực tiếp sửa chữa, nâng cấp và quản lý vận hành.

2. Đối với những công trình cấp nước nông thôn đang được đầu tư xây dựng và đầu tư xây dựng mới: Chủ đầu tư có trách nhiệm xác định và trình Chủ quản đầu tư quyết định thành lập đơn vị QLVH công trình ngay khi bắt đầu triển khai thi công công trình theo cơ chế quản lý đầu tư được đề cập trong Quyết định số 366/QĐ-TTg ngày 31/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Đối với các công trình cấp nước sạch nông thôn do các tổ chức, cá nhân tự bỏ vốn đầu tư xây dựng phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, không sử dụng vốn ngân sách Nhà nước thì các tổ chức, cá nhân đó trực tiếp quản lý, vận hành công trình nhưng phải tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường, chất lượng nước và khung giá thu tiền nước của Nhà nước. Tự chịu trách nhiệm về quản lý, vận hành khai thác, duy tu, bảo dưỡng. Trường hợp chủ đầu tư tự nguyện hoặc thỏa thuận bàn giao cho tổ chức, cá nhân khác quản lý, vận hành khai thác, để phục vụ chung thì việc quản lý, vận hành công trình được thực hiện theo Quy định này.

Điều 5. Điều kiện giao đơn vị QLVH công trình

1. Đơn vị sự nghiệp công lập được giao quản lý, vận hành công trình phải đảm bảo đủ các điều kiện sau:

a) Là Đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính theo quy định của pháp luật;

b) Có năng lực quản lý, vận hành công trình.

2. Doanh nghiệp được giao quản lý, vận hành công trình phải đảm bảo đủ các điều kiện sau:

a) Là Doanh nghiệp có chức năng kinh doanh phù hợp với việc quản lý, vận hành và khai thác công trình;

b) Có năng lực quản lý, vận hành công trình.

3. Điều kiện giao công trình cho UBND cấp xã tổ chức bộ máy quản lý:

Đối với công trình có quy mô cấp nước trên 100 hộ: Trong trường hợp việc giao cho Đơn vị sự nghiệp hoặc Doanh nghiệp không thực hiện được thì UBND tỉnh quyết định giao cho UBND cấp xã tổ chức quản lý, vận hành công trình, với điều kiện:

a) Có bộ máy quản lý gọn nhẹ và hợp lý, đảm bảo người quản lý phải có đủ phẩm chất, năng lực quản lý, vận hành công trình.

b) Xây dựng các cơ sở pháp lý như điều lệ hoạt động, cơ chế tài chính.

Điều 6. Việc bàn giao, tiếp nhận công trình

1. Căn cứ hồ sơ và hiện trạng của công trình, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh phương án giao cho đơn vị QLVH công trình.

2. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND tỉnh ban hành Quyết định giao công trình cho đơn vị QLVH. Quyết định gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên công trình;
- b) Tên chủ đầu tư;
- c) Tên đơn vị đã hoặc đang quản lý, vận hành;
- d) Tên đơn vị được giao quản lý, vận hành công trình;
- e) Tên, địa điểm công trình giao;
- f) Thời gian đưa vào sử dụng;
- g) Công suất theo thiết kế của công trình (m³/ngày đêm);
- h) Số hộ được cấp nước thực tế tính đến thời điểm giao (hộ);
- i) Giá trị công trình (giá trị quyết toán, giá trị còn lại);
- k) Thời hạn, giá trị nhận nợ, thời điểm trả nợ (đối với công trình giao cho doanh nghiệp không phải 100% vốn nhà nước);
- h) Tổ chức thực hiện.

3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định giao công trình của UBND tỉnh, các đơn vị có liên quan thực hiện bàn giao, tiếp nhận công trình.

4. Chi phí hợp lý có liên quan trực tiếp đến việc bàn giao, tiếp nhận công trình do đơn vị được giao quản lý, vận hành công trình chi trả theo quy định.

Điều 7. Quy định về hoạt động quản lý, vận hành, khai thác công trình

Đơn vị QLVH công trình phải xây dựng quy chế, thể hiện:

1. Vận hành cấp nước phải bảo đảm cung cấp nguồn nước đạt yêu cầu về chất lượng và an toàn vệ sinh, cấp nước phải liên tục 24/24 giờ trong ngày. Trường hợp sự cố không thể cấp nước được, thì đơn vị QLVH công trình phải thông báo cho người hưởng lợi trước 24 giờ thông qua loa truyền thanh địa phương để người sử dụng nước biết được lý do và thời gian tạm ngừng cấp nước. Áp dụng biện pháp xử lý phát hiện và khắc phục kịp thời các sự cố xảy ra về công trình cấp nước.

2. Phải kiểm tra hàng ngày các hạng mục của công trình cấp nước như: hệ thống đầu mối thu nước, các thiết bị, hệ thống đường ống, hệ thống điện để đảm bảo hệ thống vận hành an toàn.

3. Phải quan trắc mực nước thường xuyên đối với các công trình sử dụng nước ngầm, vào mùa khô cần kiểm tra mực nước giếng khoan, mực nước tĩnh, mực nước hạ thấp sau khi bơm, để làm cơ sở dữ liệu biến động mực nước hàng năm.

4. Lắp đặt đồng hồ nước: Đơn vị QLVH công trình thực hiện việc lắp đặt đồng hồ nước theo hợp đồng tại những địa điểm nằm trong phạm vi đã có mạng lưới cấp nước và không có tranh chấp về quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng địa

điểm theo cam kết của người sử dụng nước. Tại các điểm giao dịch với người sử dụng nước, đơn vị QLVH công trình phải niêm yết công khai các quy định về thủ tục giải quyết, đơn giá việc lắp đặt đồng hồ nước.

5. Bảo vệ nguồn nước mặt: Nguồn nước mặt là nguồn nước sông, suối, kênh, mương, hồ, đập (gọi chung là nước thô). Phạm vi bảo vệ nguồn nước mặt được quy định như sau:

- Tính từ điểm lấy nước lên thượng nguồn, phạm vi bảo vệ là 400 mét;
- Tính từ điểm lấy nước xuống hạ nguồn, phạm vi bảo vệ là 150 mét;
- Đối với hồ chứa nước bằng phẳng, phạm vi bảo vệ là lưu vực;
- Đối với đập ngăn nước suối, phạm vi bảo vệ là lưu vực suối.

6. Bảo vệ nguồn nước ngầm: Việc bảo vệ nguồn nước ngầm được thực hiện theo Luật Tài nguyên nước.

7. Bảo vệ hành lang an toàn đường ống: Hành lang an toàn đường ống nước có chiều rộng 0,5m tính từ tim ống trở ra hai phía, chạy dọc theo chiều dài đường ống tùy theo đường kính ống và mức độ quan trọng của đường ống.

- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân khi khảo sát, thiết kế, xây dựng các công trình có liên quan đến công trình cấp nước, hành lang và khu vực an toàn công trình cấp nước phải có sự thoả thuận với đơn vị QLVH công trình và chấp hành theo Quy định này và quy định của pháp luật về cấp nước.

- Các công trình như nhà cửa, lều quán, vật kiến trúc, chuồng trại, bến bãi, kho tàng hay bất cứ công trình nào đã hoặc đang xây dựng mà vi phạm hành lang hoặc khu vực an toàn công trình cấp nước phải di dời hoặc giải toả theo đề nghị của cơ quan chức năng.

- Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khi thi công các công trình làm ảnh hưởng đến công trình và mạng lưới cấp nước phải chịu mọi phí tổn về việc sửa chữa, khắc phục hậu quả gây thiệt hại đối với công trình cấp nước.

- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trước khi thi công các công trình có ảnh hưởng đến hành lang, khu vực an toàn công trình cấp nước cần thực hiện đầy đủ các quy định sau:

+ Có giấy phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

+ Trực tiếp liên hệ với đơn vị QLVH công trình có liên quan về việc thi công. Chỉ được khởi công khi đã thực hiện đầy đủ các biện pháp, đảm bảo an toàn cho các công trình cấp nước có liên quan;

+ Khôi phục lại nguyên trạng các khu vực đã bị thay đổi sau khi đã hoàn thành công việc.

8. Bảo vệ nhà máy nước, trạm bơm tăng áp, đài nước: Đơn vị QLVH phải xây dựng tường rào bảo vệ khuôn viên nhà máy nước, khu vực xử lý nước, đài nước, trạm bơm tăng áp.

Đơn vị QLVH công trình phải thực hiện nghiêm ngặt chế độ bảo đảm vệ sinh môi trường trong khuôn viên nhà máy nước, khu vực xử lý nước, đài nước, trạm bơm tăng áp.

Các hành vi xâm phạm đến an toàn, vệ sinh của nhà máy nước, khu vực xử lý nước, đài nước, trạm bơm tăng áp đều phải bị xử lý theo quy định của pháp luật.

9. Ghi chép sổ sách: Đơn vị QLVH công trình phải ghi chép đầy đủ các loại sổ sách như: sổ phân công công việc, lịch làm việc của trạm cấp nước, nhật ký vận hành. Sổ theo dõi thu chi tiền nước...

10. Bảo dưỡng: Bảo dưỡng là công việc định kỳ hàng tháng, đơn vị QLVH công trình phải lập kế hoạch cụ thể cho công tác bảo dưỡng gồm: bảo dưỡng đầu mối thu nước, bảo dưỡng hệ thống đường ống, bảo dưỡng các thiết bị bơm nước, lọc nước, bảo dưỡng hệ thống đồng hồ hộ gia đình.

Điều 8. Quản lý tài chính đối với đơn vị QLVH công trình

1. Đơn vị QLVH công trình thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính theo quy định của Nhà nước đối với từng loại hình hoạt động cụ thể.

2. Đơn vị QLVH công trình có trách nhiệm quản lý, sử dụng các nguồn tài chính, sử dụng tài sản có hiệu quả, bảo đảm tiết kiệm và thực hiện đầy đủ chế độ kế toán theo quy định của Nhà nước.

Điều 9. Nguồn vốn duy tu, sửa chữa lớn và nâng cấp công trình.

1. Nguồn vốn duy tu, sửa chữa lớn và nâng cấp công trình:

- a) Nguồn vốn ngân sách hỗ trợ.
- b) Nguồn vốn huy động các nguồn lực trong nhân dân.
- c) Nguồn vốn do các tổ chức, cá nhân hỗ trợ.
- d) Nguồn vốn thu từ dịch vụ cấp nước sạch của các công trình cấp nước.

2. Các nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách, huy động các nguồn lực trong nhân dân, các tổ chức, cá nhân hỗ trợ được đơn vị QLVH công trình quản lý và sử dụng để chi cho duy tu, sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn và nâng cấp công trình, bảo vệ công trình.

3. Đơn vị QLVH công trình được Nhà nước hỗ trợ kinh phí để sửa chữa công trình trong các trường hợp:

a) Công trình bị hư hỏng do thiên tai lũ lụt, hoặc sự cố khác gây ra thiếu nước, hết nước, sau khi đã huy động tối đa nội lực cũng như mức đóng góp của người hưởng lợi mà vẫn không đủ kinh phí để sửa chữa công trình.

b) Sửa chữa lớn, nâng cấp công trình để nâng cao chất lượng nước theo tiêu chuẩn quy định hiện hành của Nhà nước.

c) Các công trình thu không đủ chi phí.

Điều 10. Chế độ trả lương, phụ cấp cho người làm công tác quản lý, vận hành khai thác.

1. Đơn vị QLVH phải đảm bảo người làm công tác quản lý, vận hành có hợp đồng lao động theo Luật lao động, làm việc theo chế độ chuyên trách. Có đầy đủ các chế độ phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế... theo quy định hiện hành.

Chế độ trả lương, trả công cho người làm công tác quản lý, vận hành công trình, theo thang bảng lương do Chính phủ quy định tại Nghị định 205/2004/NĐ-

CP ngày 14/12/2004 hoặc theo thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động.

2. Nguồn tài chính chi trả lương, trả công cho người làm công tác quản lý, vận hành công trình, lấy từ nguồn thu của người sử dụng nước theo mức giá được UBND tỉnh phê duyệt.

Điều 11. Trách nhiệm và quyền hạn của các đơn vị được giao quản lý, vận hành công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung.

1. Trách nhiệm của đơn vị được giao quản lý vận hành công trình:

- Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về hiệu quả quản lý đầu tư, quản lý vận hành các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung được giao quản lý.

- Tuân thủ các quy định về vận hành, duy tu, bảo dưỡng các công trình cấp nước.

- Có trách nhiệm xử lý kịp thời những sự cố, khôi phục nhanh nhất công trình cấp nước sạch để đảm bảo nhu cầu cho người sử dụng và hướng tới cấp nước an toàn.

- Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý, khai thác, bảo vệ tài nguyên nước và đảm bảo môi trường.

- Bảo đảm cung cấp nước cho khách hàng, đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng dịch vụ theo quy định.

- Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất khi được yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước của tỉnh về hoạt động cung cấp nước sạch.

- Bồi thường khi gây thiệt hại cho người sử dụng nước sạch của công trình theo hợp đồng đã thỏa thuận và theo quy định của pháp luật.

- Quan trắc, theo dõi thu thập các số liệu theo quy định; nghiên cứu tổng hợp và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ vào việc khai thác bảo vệ công trình; lưu trữ hồ sơ khai thác công trình cấp nước tập trung nông thôn.

- Thực hiện báo cáo, hạch toán, khấu hao, bảo trì công trình theo đúng quy định tại Quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

- Có mối quan hệ chặt chẽ với Chính quyền địa phương nơi có công trình được đầu tư để quản lý, vận hành công trình có hiệu quả; đề xuất, kiến nghị chính quyền địa phương phối hợp, hỗ trợ trong việc bảo vệ an toàn công trình.

- Các đơn vị quản lý, vận hành công trình chịu sự quản lý, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Trung tâm Nước sinh hoạt và Môi trường nông thôn.

- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Quyền hạn của đơn vị được giao quản lý vận hành công trình:

- Được Nhà nước bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trong quá trình quản lý, vận hành công trình.

- Được tham gia ý kiến vào việc lập quy hoạch cấp nước trên địa bàn; đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan đến hoạt động quản lý, sử dụng và khai thác công trình.

- Chủ động thực hiện các biện pháp quản lý, bảo trì theo quy định của pháp luật nhằm vận hành, khai thác công trình theo thiết kế.

- Thu tiền nước theo giá tiêu thụ nước sạch được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Được UBND tỉnh cấp bù số tiền chênh lệch giữa giá thành nước sạch và giá tiêu thụ nước sạch.

- Xử lý theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về quản lý, vận hành và khai thác công trình.

- Được tổ chức ký kết và thực hiện hợp đồng cung cấp nước với khách hàng dùng nước, thu tiền nước ở những công trình được giao quản lý, vận hành.

- Có quyền từ chối cung cấp nước trong trường hợp khách hàng dùng nước vi phạm các quy định trong hợp đồng sử dụng nước.

- Được phép vào các khu vực quản lý của người sử dụng nước để kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế các thiết bị cấp nước, đường ống và đồng hồ đo nước.

- Được bồi thường thiệt hại do người sử dụng nước gây ra theo quy định của pháp luật.

- Các quyền khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng nước

1. Quyền của người sử dụng nước:

- Người sử dụng nước sạch từ các công trình cấp nước tập trung được cung cấp đầy đủ, kịp thời số lượng, đảm bảo chất lượng nước đã thỏa thuận trong hợp đồng.

- Yêu cầu đơn vị QLVH công trình khắc phục việc cấp nước khi công trình có sự cố. Yêu cầu đơn vị quản lý, vận hành công trình kiểm tra chất lượng nước, tính chính xác của thiết bị đo đếm khối lượng nước tiêu thụ và tiền thanh toán phí sử dụng dịch vụ cấp nước.

- Được bồi thường thiệt hại do đơn vị cung cấp nước gây ra.

- Khiếu nại, tố cáo những hành vi vi phạm về hoạt động cung cấp nước sạch của đơn vị QLVH công trình.

2. Nghĩa vụ của người sử dụng nước:

- Sử dụng nước tiết kiệm, đúng mục đích và kịp thời thông báo cho đơn vị QLVH công trình những dấu hiệu gây ô nhiễm nguồn nước, các hư hỏng trên đường ống gây thất thoát nước.

- Tạo điều kiện cho đơn vị QLVH công trình kiểm tra, ghi chép chỉ số đồng hồ đo đếm nước.

- Bồi thường những thiệt hại khi đã gây ra cho đơn vị QLVH công trình theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp, tham gia bảo vệ công trình cấp nước, khi phát hiện công trình bị sự cố, có trách nhiệm ngăn chặn, khắc phục nếu có thể. Đồng thời báo ngay cho đơn vị QLVH công trình để kịp thời xử lý.

- Thanh toán tiền sử dụng nước đầy đủ khi nhận được hoá đơn tiền nước hoặc giấy báo nộp tiền. Trường hợp người sử dụng nước chưa thể thanh toán tiền nước ngay khi nhận giấy báo tiền nước thì người sử dụng nước phải đến thanh toán tiền nước tại địa điểm do đơn vị QLVH công trình quy định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được giấy báo. Sau thời gian này người sử dụng nước vẫn chưa thanh toán tiền nước thì đơn vị QLVH công trình sẽ tạm ngừng cung cấp nước.

Điều 13. Kiểm tra về hoạt động cấp nước

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, định kỳ kiểm tra việc thực hiện quy định đối với các đơn vị QLVH công trình, quyền và nghĩa vụ của người sử dụng nước, kiến nghị các cấp có thẩm quyền xử lý những hành vi vi phạm theo quy định của Pháp luật.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm kiểm tra tình hình thăm dò, khai thác, sử dụng nước, các nguồn thải vào nguồn nước trên địa bàn.

3. Sở Y tế chịu trách nhiệm thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Quy chuẩn về cấp nước nông thôn đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân, cơ sở cung cấp nước tham gia hoạt động khai thác, sản xuất và kinh doanh nước sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của các Sở, ngành.

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai thi hành quy định này.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với Sở tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng điều phối Chương trình MTQG của tỉnh tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí từ nguồn vốn đầu tư phát triển, vốn trái phiếu chính phủ, ODA để cải tạo, nâng cấp, mở rộng cho các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường: Tham mưu UBND tỉnh và thực hiện theo thẩm quyền về cấp, gia hạn, thu hồi giấy phép hoạt động điều tra, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước theo phân cấp quản lý; hướng dẫn thủ tục để được hưởng chính sách ưu đãi về đất đai cho các tổ chức, cá nhân có liên quan đối với các công trình cấp nước sạch nông thôn theo quy định của pháp luật.

4. Sở Y tế: Chỉ đạo Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh, Phòng Y tế cấp huyện tổ chức giám sát, kiểm tra định kỳ chất lượng nước sạch theo Quy định, Quy chuẩn của Bộ Y tế.

5. Sở Tài chính: Có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan trên cơ sở đề xuất của các đơn vị quản lý, vận hành công trình cấp nước sạch nông thôn tham mưu UBND tỉnh phê duyệt giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; Thẩm định phương án giá làm cơ sở để thực hiện cấp bù kinh phí hàng năm cho các đơn vị cấp nước khi UBND tỉnh phê duyệt giá bán nước sạch sinh hoạt thấp hơn giá thành sản xuất nước tại các đơn vị.

6. Cục Thuế chịu trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị QLVH thực hiện nghĩa vụ thuế, hướng chính sách ưu đãi về thuế cho các tổ chức, cá nhân có liên quan và thẩm định hồ sơ thực hiện các chính sách ưu đãi về thuế đối với các công trình cấp nước sạch nông thôn theo quy định của pháp luật, trình cơ quan thẩm quyền xem xét quyết định.

7. Trung tâm Nước sinh hoạt và Môi trường nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, giúp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện:

- Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật, nghiệp vụ về quản lý, vận hành các công trình cấp nước sạch nông thôn cho các đơn vị QLVH công trình.

- Chịu trách nhiệm trước Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hiệu quả quản lý đầu tư, quản lý vận hành các công trình được giao quản lý, vận hành.

Điều 15. Trách nhiệm của UBND cấp huyện, UBND cấp xã

1. Đối với UBND cấp huyện:

a) Chịu trách nhiệm về tình hình hoạt động của các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn quản lý. Báo cáo tình hình thực hiện công tác cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

b) Thành lập đơn vị QLVH công trình được UBND tỉnh giao cho địa phương quản lý.

c) Chỉ đạo xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về quản lý, khai thác, bảo vệ công trình và các quy định của Nhà nước.

d) Chỉ đạo UBND các xã vận động người dân tham gia sử dụng nước sạch, sử dụng nước tiết kiệm, tham gia bảo vệ công trình cấp nước, bảo vệ nguồn nước.

2. Đối với UBND cấp xã:

a) Vận động nhân dân tham gia lắp đặt đồng hồ sử dụng nước sạch từ trạm cấp nước, vận động nhân dân đóng góp kinh phí để xây dựng công trình cấp nước theo quy định của Nhà nước và mở rộng mạng cấp nước đến hộ gia đình. Phối hợp với các ban ngành, đoàn thể tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức của nhân dân trong việc sử dụng nguồn nước đảm bảo vệ sinh phục vụ sinh hoạt hàng ngày, vận động nhân dân sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả và tham gia bảo vệ các công trình cấp nước.

b) Phối hợp cùng với đơn vị QLVH công trình, tổ chức kiểm tra, bảo vệ công trình và bảo vệ nguồn nước.

c) Xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về quản lý, khai thác, bảo vệ công trình và các quy định của Nhà nước có liên quan.

d) Chịu trách nhiệm về tình hình hoạt động bền vững của các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung do UBND cấp xã tổ chức quản lý.

Điều 16. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khác

1. Các tổ chức, cá nhân khác có trách nhiệm bảo vệ nguồn nước, nếu phát hiện tổ chức, cá nhân nào vi phạm quy định Nhà nước về quản lý đầu tư, quản lý vận hành công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung thì phải thông báo và phối

hợp với các cơ quan có thẩm quyền để kịp thời xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định pháp luật.

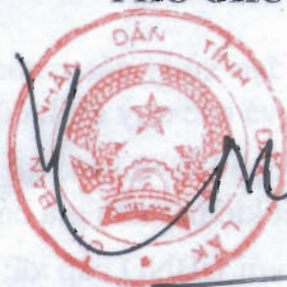
2. Mọi tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có hoạt động liên quan đến công trình cấp nước tập trung nông thôn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk có trách nhiệm thực hiện Quy định này.

Điều 17. Việc sửa đổi, bổ sung Quy định

Các hoạt động liên quan đến việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung ngoài những nội dung trong quy định này, thực hiện theo quy định tại Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài Chính quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung và các quy định khác có liên quan.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét, quyết định.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Y Dễm Ênuôl